TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN EAKAR** TỈNH ĐẮK LẮK	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2023/HNGĐ-ST
Ngày 28/7/2023
"V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EAKAR, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Hoàng Long.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Thế Hằng và ông Lê Khắc Dũng.

- ***Thư ký phiên tòa:*** ông Phan Hoài Đông - Thư ký Tòa án nhân dân huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 07 năm 2023 tại hội trường Tòa án nhân dân huyện EaKar xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 179/2023/TLST - HNGĐ, ngày 26 tháng 04 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 07 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2023/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1983; Địa chỉ: Thôn H, xã C, H, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

- *Bị đơn*: ông Phạm Đông Đ; Địa chỉ: Thôn H, xã C, H, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị D trình bày:

Bà Nguyễn Thị D và ông Phạm Đông Đ xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, sau một thời gian tìm hiểu thì tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 05/09/2005. Trong quá trình chung sống bất đồng quan điểm sống, ông Đ không quan tâm, chăm lo cho

gia đình nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, xúc phạm và thiếu tôn trọng nhau trong cuộc sống. Mặc dù bà D đã cố gắng chung sống để nuôi dạy con cái, nhưng ông Đ không thay đổi làm cho tình trạng hôn nhân của hai vợ chồng ngày càng trầm trọng thêm. Vì vậy bà D làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết bà chị được ly hôn với ông Đ.

Về con chung: Bà D và ông Đ có 02 con chung là Phạm Tuấn A, sinh ngày: 10/08/2006 và Phạm Tuấn D1, sinh ngày: 13/01/2014, bà D yêu cầu Toà án giải quyết cho bà D được nuôi cả hai con chung cho đến khi đủ 18 tuổi và yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho mỗi con chung cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Tuy nhiên tại phiên tòa sơ thẩm bà D thay đổi yêu cầu, đề nghị Tòa án xem xét cho bà được quyền nuôi dưỡng cháu Phạm Tuấn D1 và giao cho ông Đ nuôi dưỡng cháu Phạm Tuấn A và không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung, công nợ chung: Bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 12/5/2023 bị đơn ông Phạm Đông Đ trình bày: Ông và bà Nguyễn Thị D xác lập quan hệ vợ chồng trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 05/09/2005. Trong quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nhưng theo ông Đ mâu thuẫn chưa trầm trọng, hiện nay bà D khởi kiện yêu cầu ly hôn thì ông Đ không đồng ý.

Về con chung: ông Đ thừa nhận vợ chồng có hai con chung như bà D trình bày. Trường hợp Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn thì nguyện vọng của ông Đ là được nuôi cả hai con chung và không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung, công nợ chung: ông Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện Ea Kar đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng ông Đ chỉ đến Tòa án làm bản tự khai, sau đó ông Đ không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án nên không Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Kết quả xác minh tại chính quyền địa phương như sau: Ông Đ, bà D là vợ chồng và có đăng ký tạm trú tại thôn A, xã E, huyện K. Việc vợ chồng ông Đ và bà D xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân cụ thể thế nào chính quyền địa phương không biết. Bà D làm nghề may, ông Đ làm nghề giáo viên, cả hai vợ chồng đều có đủ điều kiện kinh tế để nuôi con chung.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đều thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn ông Phạm Đông Đ đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các quyết định tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không có

lý do là vi phạm các quy định tại Điều 70, 72, và Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS).

Về nội dung: Do yêu cầu của nguyên đơn có căn cứ, nên đề nghị HĐXX chấp nhận, xử cho bà Nguyễn Thị D ly hôn với ông Phạm Đông Đ. Giao con chung là Cháu Phạm Tuấn A cho ông Phạm Đông Đ và giao cháu Phạm Tuấn D1, sinh ngày 13/01/2014 cho bà Nguyễn Thị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi; Về cấp dưỡng các đương sự không yêu cầu nên không đề cập giải quyết

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả trông luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[**1**] Về tố tụng: Nguyên đơn bà D yêu cầu Tòa án giải quyết về việc ly hôn, nuôi con với bị đơn ông Đ, nguyên đơn và bị đơn đều đăng ký hộ khẩu thường trú tại: thôn H, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Đây là tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk theo khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS).

Toà án quyết định đưa vụ án ra xét xử, bị đơn ông Phạm Đông Đ vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự Tòa án xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[**2**] Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Đông Đ và bà Nguyễn Thị D là vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 05/9/2005. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật. Qua xác minh tại địa phương và lời trình bày của bà D thì vợ chồng ông bà thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, ông Đ ít chăm lo cho gia đình ông và còn bạo hành với bà D dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà D và ông Đ không thể hàn gắn được, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. HĐXX cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho bà D được ly hôn với ông Đ.

[**3**] Về con chung: Bà D và ông Đ có 02 con chung là Phạm Tuấn A, sinh ngày 10/08/2006 và Phạm Tuấn D1, sinh ngày 13/01/2014. Cả hai đương sự đều có nguyện vọng nuôi con. Căn cứ vào kết quả xác minh nhận thấy ông Đ làm giáo viên, bà D làm nghề thợ may, cả hai vợ chồng đều đủ điều kiện nuôi con. Nguyện vọng của cháu Phạm Tuấn A yêu cầu được ở với bố là ông Phạm Đông Đ, nguyện vọng của cháu Phạm Tuấn D1 được ở với mẹ là bà Nguyễn Thị D. Vì vậy để đảm

bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các con chung. Căn cứ Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, giao cháu Phạm Tuấn D1 cho bà Nguyễn Thị D và giao cháu Phạm Tuấn A cho ông Phạm Đông Đ chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi là phù hợp.

Các đương sự được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu, do đó Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[**4**] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[**5**] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 BLTTDS; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, nguyên đơn bà D phải chịu 300.000 đồng tiền án phí Dân sự sơ thẩm không có giá ngạch về Hôn nhân.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị D.

1. Về quan hệ hôn nhân: cho bà Nguyễn Thị D được ly hôn với ông Phạm Đông Đ.

2. Về con chung: Giao con chung là Cháu Phạm Tuấn A, sinh ngày 10/08/2006 cho ông Phạm Đông Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và giao cháu Phạm Tuấn D1, sinh ngày 13/01/2014 cho bà Nguyễn Thị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Các đương sự được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị D phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng mà bà D đã nộp tạm ứng án phí, theo biên lai thu tiền số AA/2022/0000998 ngày 26/04/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện EaKar.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh ĐắkLắk;
-VKSND huyện EaKar;
-THADS huyện EaKar;
- UBND xã C, huyện E;
-Đương sự;
-Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Hoàng Long